

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Vui;
2. Ông Nguyễn Văn Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh
Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2022/TLST-
HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: ấp 4, xã H1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Châu Vũ T1, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: ấp B1, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Chị H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, anh T1 có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình
giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Châu Vũ T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2019.
Chị H, anh T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Trong quá trình chung sống,
anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh
T1 không biết lo làm ăn kinh tế, không quan tâm đến vợ con. Cuộc sống thiếu thốn nên
mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chị hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống.

Từ tháng 4 năm 2021, chị H về nhà mẹ ruột tại xã H1, huyện T, tỉnh Bến Tre sinh sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T1 không liên lạc với chị H, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Nay, chị H xác định không còn tình cảm với anh T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về nuôi con chung: chị H, anh T1 có 01 con chung tên là Châu Khả H2, sinh ngày 25/9/2019. Hiện nay, cháu H2 đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu H2, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Từ trước đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và lo cho cháu chu đáo.

Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Do chị H bận công việc nên không đến dự các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không có khiếu nại về sau.

Tại bản tự khai ngày 23/02/2022 bị đơn anh Châu Vũ T1 trình bày:

Vợ chồng ai không có mâu thuẫn như trong đơn khởi kiện chị H trình bày. Do con anh chị còn nhỏ nên anh T1 không đồng ý ly hôn. Anh T1 không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung (nếu có).

Tại bản tự khai ngày 01/4/2022, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, anh T1 đồng ý ly hôn với chị H; con chung tên là Châu Khả H2, sinh ngày 25/9/2019, anh T1 yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị:

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Châu Vũ T1.

Về con chung: chị H, anh T1 có 01 con chung là Châu Khả H2, sinh ngày 25/9/2019, sau khi ly hôn chị H được trực tiếp nuôi con chung; anh T1 không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: chị H xác định tự thỏa thuận; anh T1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 11/01/2022, chị Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Châu Vũ T1. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị H*:

Chị H, anh T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2019 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/3/2019. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 không biết lo làm ăn kinh tế, không quan tâm đến vợ con. Cuộc sống thiếu thốn nên vợ chồng chị hay cãi vã làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Từ tháng 4 năm 2021, chị H, anh T1 ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T1 không liên lạc với chị H, không đến thăm con, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mỗi ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị H xác định không còn tình cảm với T1 nên yêu cầu được ly hôn. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh T1 cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H nhưng chị H cương quyết ly hôn anh đồng ý. Điều này có cơ sở khẳng định, cả hai không còn tha thiết và không mong muốn duy trì, tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với nhau nên có căn cứ xác định, tình trạng của vợ chồng chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: anh T1, chị H có 01 con chung là Châu Khả H2, sinh ngày 25/9/2019. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H2. Đối với yêu cầu

này của chị H, anh T1 không đồng ý. Anh T1 yêu cầu được nuôi cháu H2. Theo chị H, từ khi ly thân đến nay, anh T1 không đến thăm con, không phụ tiền với chị để nuôi con nhưng chị vẫn lo cho cháu H2 chu đáo, đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu H2. Theo anh T1, chị H không lo cho cháu H2 chu đáo. Xét thấy, tại phiên tòa, anh T1 thừa nhận, từ tháng 11 năm 2021 (âm lịch) đến nay, anh T1 về nhà ba mẹ anh T1 sống và không phụ tiền cho chị H nuôi cháu H2. Anh T1 cho rằng chị H lo cho con không chu đáo nhưng không có chứng cứ chứng minh. Từ tháng 11/2021 (âm lịch) đến nay, anh T1 không đến thăm con thì không biết tình hình cuộc sống của cháu H2 như thế nào, nên không có căn cứ xác định lời trình bày của anh T1 là có cơ sở. Mặt khác, cháu H2 sống với chị H đã lâu, cuộc sống đã ổn định không nên thay đổi người nuôi con làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Vì vậy, cần giao cho chị H được quyền tiếp tục nuôi cháu H2 là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: chị H không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết chị H có quyền yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung: chị H xác định tài sản chung tự thỏa thuận; anh T1 trình bày không có tài sản chung, cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị H, anh T1 đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H, anh T1 không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H xin ly hôn đối với anh Châu Vũ T1;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H với anh Châu Vũ T1.

* Về nuôi con chung: giao con chung là Châu Khả H2, sinh ngày 25/9/2019 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu anh Châu Vũ T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Châu Vũ T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung: chị Nguyễn Thị Ngọc H xác định tài sản chung tự thỏa thuận; anh Châu Vũ T1 xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

* Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Châu Vũ T1 không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004861 ngày 11/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã M;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung